

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 40

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0500463609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 11 năm 2014, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.

Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua Trụ sở chính đăng ký tại Lô số C-13A-CN, Đường N16, Khu công nghiệp Bàu Bàng Mở rộng, Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ("Trụ sở chính") và ba (3) chi nhánh tại Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; Xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội và Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tô Hải	Chủ tịch	
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên	
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên	
Ông Đoàn Hữu Nguyên	Thành viên	
Bà Trần Thu Trang	Thành viên	
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên	từ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Ngọc Triều Dương	Trưởng ban
Bà Tôn Minh Phương	Thành viên
Bà Mai Thị Thanh Trang	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hữu Nguyên	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2025
Ông Bùi Hoàng Sang	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2025
Bà Chu Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Tô Hải	
Ông Đoàn Hữu Nguyên	từ ngày 21 tháng 8 năm 2025
Ông Bùi Hoàng Sang	đến ngày 20 tháng 8 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 28 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vl_vn

Số tham chiếu: 11432708/E-68566904/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Thị Nữ
Giám đốc Cấp cao
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.212.225.138.127	3.844.042.642.508
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	255.076.288.561	262.018.642.456
111	1. Tiền		215.631.997.153	223.114.489.031
112	2. Các khoản tương đương tiền		39.444.291.408	38.904.153.425
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.567.212.238.826	1.581.800.913.954
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.567.212.238.826	1.581.800.913.954
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.432.996.479.710	1.180.476.018.476
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	182.265.615.967	157.783.034.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	662.238.782.321	99.102.637.373
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	460.000.000.000	850.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	129.320.331.422	74.418.596.539
137	5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.1	(828.250.000)	(828.250.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	747.869.768.621	641.616.525.808
141	1. Hàng tồn kho		768.830.450.708	644.111.182.895
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(20.960.682.087)	(2.494.657.087)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		209.070.362.409	178.130.541.814
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.976.819.233	5.383.074.138
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	199.961.779.672	169.062.613.543
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	131.763.504	3.684.854.133

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.459.945.932.027	3.368.025.466.011
210	I. Phải thu dài hạn		8.133.192.391	8.850.858.041
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.133.192.391	8.850.858.041
220	II. Tài sản cố định		1.530.365.813.372	852.964.189.632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.528.298.057.743	850.060.754.439
222	Nguyên giá		2.702.075.062.468	1.905.965.512.480
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.173.777.004.725)	(1.055.904.758.041)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.067.755.629	2.903.435.193
228	Nguyên giá		22.517.498.145	22.517.498.145
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.449.742.516)	(19.614.062.952)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		696.679.648.059	1.346.927.928.712
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	696.679.648.059	1.346.927.928.712
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5	838.423.430.000	806.875.550.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		638.423.430.000	606.875.550.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000.000	200.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		386.343.848.205	352.406.939.626
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	311.948.371.091	314.949.557.714
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.4	74.395.477.114	37.457.381.912
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.672.171.070.154	7.212.068.108.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.479.615.452.090	3.791.435.252.422
310	I. Nợ ngắn hạn		3.433.809.286.696	3.123.845.800.310
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	934.705.741.322	935.197.627.223
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		45.967.438.036	72.690.700.486
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	95.951.395.810	31.721.003.585
314	4. Phải trả người lao động		86.866.717.006	110.438.600.929
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	404.397.339.056	242.545.299.023
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	11.831.643.650	15.177.865.660
320	7. Vay ngắn hạn	18	1.852.409.045.386	1.714.394.736.974
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27	1.679.966.430	1.679.966.430
330	II. Nợ dài hạn		1.045.806.165.394	667.589.452.112
338	1. Vay dài hạn	18	1.045.806.165.394	667.589.452.112
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.192.555.618.064	3.420.632.856.097
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	3.192.555.618.064	3.420.632.856.097
411	1. Vốn cổ phần		618.044.720.000	618.044.720.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		618.044.720.000	618.044.720.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		849.979.583.600	849.979.583.600
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.150.000.000	5.150.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.719.381.314.464	1.947.458.552.497
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		1.638.436.192.497	1.074.772.755.281
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		80.945.121.967	872.685.797.216
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.672.171.070.154	7.212.068.108.519

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	4.011.140.516.287	3.588.171.854.253
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(81.324.716.379)	(73.933.824.380)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	3.929.815.799.908	3.514.238.029.873
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(2.435.075.168.842)	(2.107.890.474.288)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		1.494.740.631.066	1.406.347.555.585
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	91.348.231.632	78.388.539.911
22	7. Chi phí tài chính	23	(72.781.020.830)	(30.447.653.082)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(53.410.318.491)	(15.886.735.050)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(1.255.432.583.207)	(699.684.922.538)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(158.413.245.618)	(100.298.904.755)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		99.462.013.043	654.304.615.121
31	11. Thu nhập khác	24	6.764.256.685	2.250.158.670
32	12. Chi phí khác	24	(1.108.745.123)	(2.413.588.985)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	5.655.511.562	(163.430.315)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.117.524.605	654.141.184.806
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(61.110.497.839)	(148.084.871.055)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.4	36.938.095.201	5.222.334.296
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		80.945.121.967	511.278.648.047

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Hữu Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.117.524.605	654.141.184.806
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	118.707.926.248	94.199.249.142
03	Dự phòng		18.466.025.000	801.245.553
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.846.289.415)	4.849.295.125
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(66.257.239.975)	(68.759.846.062)
06	Chi phí lãi vay	23	53.410.318.491	15.886.735.050
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		227.598.264.954	701.117.863.614
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(277.049.451.675)	37.694.132.556
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(124.719.267.813)	40.025.211.496
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		138.315.153.548	(195.381.549.779)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(592.558.472)	4.255.011.148
14	Tiền lãi vay đã trả		(47.594.956.809)	(15.606.358.210)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.769.566.010)	(228.114.363.282)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(101.812.382.277)	343.989.947.543
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(551.153.526.520)	(467.688.728.203)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		16.762.729	1.665.882.292
23	Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(1.046.411.324.872)	(1.364.389.659.441)
24	Thu tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		1.451.000.000.000	1.478.002.336.474
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(31.547.880.000)	-
27	Lãi tiền gửi		65.737.846.077	58.402.114.519
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(112.358.122.586)	(294.008.054.359)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ vốn góp	19.1	-	4.540.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	18	5.007.242.173.592	1.650.870.347.690
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(4.491.011.151.898)	(1.174.351.129.813)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(309.022.360.000)	(521.479.012.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		207.208.661.694	(40.419.794.123)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.961.843.169)	9.562.099.061
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		262.018.642.456	211.781.081.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		19.489.274	360.897.371
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	255.076.288.561	221.704.077.981

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Hữu Nguyễn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0500463609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 11 năm 2014, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.

Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua Trụ sở chính đăng ký tại Lô số C-13A-CN, Đường N16, Khu công nghiệp Bàu Bàng Mở rộng, Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ("Trụ sở chính") và ba (3) chi nhánh tại Xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; Xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội và Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 3.393 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.623 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 5*, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 28 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1)
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa, nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 – 31 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 17 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 6 năm
Phần mềm máy tính	3 – 7 năm
Tài sản cố định khác	5 – 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh các sản phẩm sữa và các sản phẩm từ sữa. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lợi của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	233.185.175	233.185.175
Tiền gửi ngân hàng	215.398.811.978	222.881.303.856
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	39.444.291.408	38.904.153.425
TỔNG CỘNG	255.076.288.561	262.018.642.456

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,2%/năm đến 3,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,2%/năm đến 4,4%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng (i)	1.567.212.238.826	1.567.212.238.826	1.581.800.913.954	1.581.800.913.954
Dài hạn	838.423.430.000	838.423.430.000	806.875.550.000	806.875.550.000
Đầu tư vào các công ty con (ii)	638.423.430.000	638.423.430.000	606.875.550.000	606.875.550.000
Trái phiếu (iii)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.405.635.668.826	2.405.635.668.826	2.388.676.463.954	2.388.676.463.954

(i) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,2%/năm đến 6,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,6%/năm đến 6,2%/năm).

Trong đó, khoản tiền gửi giá trị 805 tỷ VND đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 18), và khoản tiền gửi giá trị 28,8 tỷ VND được phong tỏa nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, chi tiết đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc biểu quyết (VND)	Quyền quyết (%)	Giá gốc biểu quyết (VND)	Quyền quyết (%)
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam (*)	600.000.000.000	100	600.000.000.000	100
PT Produk Susu Internasional (**)	38.423.430.000	99,9	6.875.550.000	99,9
TỔNG CỘNG	638.423.430.000		606.875.550.000	

(*) Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700883431, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp vào ngày 27 tháng 6 năm 2024. Lĩnh vực kinh doanh chính của Lof Hà Nam là chế biến và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.

(**) Công ty PT Produk SuSu Internasional ("Susu") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Công ty Indonesia, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0076889.AH.01.11 năm 2024, do Bộ trưởng Bộ Luật và Nhân quyền Cộng Hòa Indonesia cấp ngày 22 tháng 4 năm 2024, với vốn điều lệ là 22.260.014.780 Rp (tương đương 38 tỷ VND), và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 202501238 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 14 tháng 2 năm 2024. Hoạt động chính của Susu là bán buôn sữa và các sản phẩm từ sữa.

(iii) Số dư này thể hiện khoản trái phiếu dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành có kỳ hạn gốc là 7 năm và mức lãi suất được hưởng bằng mức lãi suất tham chiếu cộng 1,00%/năm và đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	69.607.585.224	50.172.620.190
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh B.S Lucky Company Limited	33.000.496.587	22.318.324.840
Khác	19.049.560.765	25.353.269.526
	60.607.973.391	59.938.820.008
TỔNG CỘNG	182.265.615.967	157.783.034.564
Dự phòng phải thu khó đòi	(828.250.000)	(828.250.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	181.437.365.967	156.954.784.564

Chi tiết tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	828.250.000	1.628.250.000
Cộng: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(800.000.000)
Số cuối kỳ	828.250.000	828.250.000

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Shanghai Joy Light Industry Machinery Company Limited	124.481.406.600	-
Công ty TNHH GEA Việt Nam	62.740.384.987	20.961.951.280
Khác	475.016.990.734	78.140.686.093
TỔNG CỘNG	662.238.782.321	99.102.637.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Bất động sản Phúc Đạt (i)	360.000.000.000	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư LTM (ii)	100.000.000.000	350.000.000.000
TỔNG CỘNG	460.000.000.000	850.000.000.000

- (i) Số dư này thể hiện các khoản cho Công ty Cổ phần Bất động sản Phúc Đạt vay tín chấp ngắn hạn với kỳ hạn còn lại là không quá 12 tháng, đáo hạn từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 28 tháng 2 năm 2026 và hưởng mức lãi suất là 7,0%/năm.
- (ii) Số dư này thể hiện các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư LTM vay tín chấp ngắn hạn với kỳ hạn còn lại là không quá 12 tháng, đáo hạn ngày 11 tháng 4 năm 2026 và hưởng mức lãi suất là 7,0%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	129.320.331.422	74.418.596.539
Chiết khấu mua hàng	75.844.097.442	17.979.203.816
Lãi tiền gửi, lãi cho vay dự thu	43.768.993.831	43.266.362.662
Tạm ứng nhân viên	7.336.955.763	12.841.735.521
Khác	2.370.284.386	331.294.540
Dài hạn	8.133.192.391	8.850.858.041
Đặt cọc	8.133.192.391	8.850.858.041
TỔNG CỘNG	137.453.523.813	83.269.454.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	358.422.504.034	(9.240.233.511)	268.440.453.870	(2.494.657.087)
Thành phẩm	205.110.134.919	(8.223.433.024)	185.584.892.351	-
Hàng hóa	118.973.200.218	(3.497.015.552)	25.486.311.333	-
Công cụ, dụng cụ	85.374.956.547	-	70.040.707.886	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	942.983.827	-	603.242.629	-
Hàng mua đang đi đường	6.671.163	-	93.955.574.826	-
TỔNG CỘNG	768.830.450.708	(20.960.682.087)	644.111.182.895	(2.494.657.087)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	2.494.657.087	1.571.475.793
Cộng: Dự phòng trong kỳ	18.466.025.000	1.601.245.553
Số cuối kỳ	<u>20.960.682.087</u>	<u>3.172.721.346</u>

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	223.494.555.558	1.612.250.030.553	17.816.634.394	51.845.301.819	558.990.156	1.905.965.512.480
Mua mới	-	5.219.217.000	-	896.308.182	-	6.115.525.182
Xây dựng cơ bản hoàn thành	281.218.234.499	507.516.670.307	730.000.000	529.120.000	-	789.994.024.806
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	504.712.790.057	2.124.985.917.860	18.546.634.394	53.270.730.001	558.990.156	2.702.075.062.468
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	17.747.013.340	380.497.472.078	1.005.245.455	21.805.092.185	558.990.156	421.613.813.214
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	125.313.699.581	890.175.606.143	5.709.874.970	34.146.587.191	558.990.156	1.055.904.758.041
Khấu hao trong kỳ	13.321.270.831	100.116.818.837	1.433.232.412	3.000.924.604	-	117.872.246.684
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	138.634.970.412	990.292.424.980	7.143.107.382	37.147.511.795	558.990.156	1.173.777.004.725
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	98.180.855.977	722.074.424.410	12.106.759.424	17.698.714.628	-	850.060.754.439
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	366.077.819.645	1.134.693.492.880	11.403.527.012	16.123.218.206	-	1.528.298.057.743

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một phần máy móc và thiết bị có giá trị còn lại là 66 tỷ VND được thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i> <i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>22.517.498.145</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	<u>17.503.420.762</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	19.614.062.952
Hao mòn trong kỳ	<u>835.679.564</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>20.449.742.516</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>2.903.435.193</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>2.067.755.629</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Dự án Nhà máy Sữa Quốc tế Lof		
– Bình Dương (*)	683.602.373.174	1.338.058.089.686
Khác	<u>13.077.274.885</u>	<u>8.869.839.026</u>
TỔNG CỘNG	<u>696.679.648.059</u>	<u>1.346.927.928.712</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một phần máy móc, thiết bị và nhà máy đang xây dựng được thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 5.670.454.964 VND (2024: 4.836.142.736 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	8.976.819.233	5.383.074.138
Chi phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	1.860.531.864	2.564.057.058
Chi phí thuê xưởng	1.233.815.000	1.021.180.500
Khác	5.882.472.369	1.797.836.580
Dài hạn	311.948.371.091	314.949.557.714
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng, Thành phố Hồ Chí Minh (*)	257.041.410.933	260.144.526.563
Chi phí thuê đất khác	50.100.385.410	50.469.801.447
Chi phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	3.258.465.089	3.366.806.611
Khác	1.548.109.659	968.423.093
TỔNG CỘNG	320.925.190.324	320.332.631.852

(*) Đây là khoản tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng đã ký với Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp – CTCP (BECAMEX IDC CORP.) vào ngày 8 tháng 6 năm 2021 với diện tích 120.000 m2 và thời hạn thuê đến ngày 26 tháng 4 năm 2066. Toàn bộ chi phí thuê đất này đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH MTV Quà tặng Băng Dương	55.538.600.000	9.467.274.000
Công ty SIG Combibloc	53.379.642.262	40.399.794.444
Công ty Cổ phần Prowtech International Vina	33.428.928.640	88.559.557.600
Công ty TNHH Lami Packaging Hong Kong	26.587.095.030	17.847.194.867
Công ty Cổ phần Thành Thành Công	23.510.135.250	40.840.369.500
Công ty Cổ phần Đông Tây Promotion	21.819.817.690	42.478.669.530
Khác	720.441.522.450	695.604.767.282
TỔNG CỘNG	934.705.741.322	935.197.627.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	169.062.613.543	477.242.274.191	(446.343.108.062)	199.961.779.672
Thuế nhập khẩu	3.684.854.133	117.083.696	(3.670.174.325)	131.763.504
TỔNG CỘNG	172.747.467.676	477.359.357.887	(450.013.282.387)	200.093.543.176
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	12.640.449.016	481.300.555.187	(455.774.688.596)	38.166.315.607
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.465.327.900	61.110.497.839	(17.769.566.010)	54.806.259.729
Thuế thu nhập cá nhân	7.615.226.669	39.866.285.902	(44.502.692.097)	2.978.820.474
Thuế nhập khẩu	-	13.473.887.290	(13.473.887.290)	-
Khác	-	8.724.497.079	(8.724.497.079)	-
TỔNG CỘNG	31.721.003.585	604.475.723.297	(540.245.331.072)	95.951.395.810

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí bán hàng	222.354.064.838	225.856.406.090
Chi phí tiếp thị	119.508.961.538	4.803.945.498
Thưởng cho người lao động	25.420.080.951	-
Chi phí lãi vay	9.973.712.894	4.158.351.212
Chi phí khác	27.140.518.835	7.726.596.223
TỔNG CỘNG	404.397.339.056	242.545.299.023
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	396.540.166.454	240.026.833.269
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	7.857.172.602	2.518.465.754

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhận ký quỹ, ký cược	10.742.266.600	10.581.866.600
Bảo hiểm bắt buộc và kinh phí công đoàn	539.377.049	3.860.248.824
Khác	550.000.001	735.750.236
TỔNG CỘNG	11.831.643.650	15.177.865.660

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Vay	Trả nợ gốc vay	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ngắn hạn	1.714.394.736.974	4.279.025.460.310	(4.157.279.194.798)	16.268.042.900	1.852.409.045.386
Vay ngân hàng	1.426.394.736.974	4.279.025.460.310	(4.137.279.194.798)	-	1.568.141.002.486
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 27)	268.000.000.000	-	-	-	268.000.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	16.268.042.900	16.268.042.900
Dài hạn					
Vay ngân hàng	667.589.452.112	728.216.713.282	(333.731.957.100)	(16.268.042.900)	1.045.806.165.394
TỔNG CỘNG	2.381.984.189.086	5.007.242.173.592	(4.491.011.151.898)	-	2.898.215.210.780

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cho mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13)
Ngân hạn				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	642.433.647.089	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2025 đến ngày 17 tháng 12 năm 2025	3,85 - 4,4	- Trái phiếu trị giá 200 tỷ VND và hợp đồng tiền gửi trị giá 80 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và 20 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	355.165.068.203	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 đến ngày 29 tháng 9 năm 2025	4,2 - 4,35	- Dây chuyền chiết rót sữa Tetra Pak A3 Speed V500 có giá trị còn lại 66 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	287.613.749.378	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2025 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	4,2 - 4,4	Hợp đồng tiền gửi trị giá 215 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	282.928.537.816	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 10 năm 2025	4,1 - 4,6	Hợp đồng tiền gửi trị giá 135 tỷ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và 125 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
	1.568.141.002.486			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cho mục đích tài trợ dự án được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Dài hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.062.074.208.294	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2030	6,1	Tài sản được hình thành từ dự án nhà máy Bình Dương và 120.000 m ² đất thuê tại Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	16.268.042.900			
<i>Vay dài hạn</i>	1.045.806.165.394			

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế Lof

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	613.504.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.596.251.767.281	3.064.886.070.881
Tăng vốn	4.540.000.000	-	-	-	4.540.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	511.278.648.047	511.278.648.047
Chia cổ tức	-	-	-	(521.479.012.000)	(521.479.012.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	618.044.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.586.051.403.328	3.059.225.706.928
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	618.044.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.947.458.552.497	3.420.632.856.097
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	80.945.121.967	80.945.121.967
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(309.022.360.000)	(309.022.360.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	618.044.720.000	849.979.583.600	5.150.000.000	1.719.381.314.464	3.192.555.618.064

(*) Vào ngày 13 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức cho năm tài chính 2024 bằng tiền mặt với giá trị 50% trên mệnh giá theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2024/NQ-HĐQT.IDP phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ.IDP ngày 15 tháng 3 năm 2024 và được phê duyệt chính thức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2025/NQ-HĐCĐ.LOF ngày 28 tháng 3 năm 2025. Vào ngày 20 tháng 1 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện phương án chi trả cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	618.044.720.000	613.504.720.000
Tăng vốn	-	4.540.000.000
Số cuối kỳ	<u>618.044.720.000</u>	<u>618.044.720.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức cho năm 2024: 5.000 VND/cổ phiếu (Cổ tức cho năm 2023: 8.500 VND/cổ phiếu)	309.022.360.000	521.479.012.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	309.022.360.000	521.479.012.000

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu phổ thông	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đăng ký phát hành	61.804.472	61.804.472
Cổ phiếu đã phát hành	61.804.472	61.804.472
Cổ phiếu đang lưu hành	61.804.472	61.804.472
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: VND 10.000)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Tổng doanh thu	4.011.140.516.287	3.588.171.854.253
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>3.956.418.068.750</i>	<i>3.566.829.994.478</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>54.722.447.537</i>	<i>21.341.859.775</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(81.324.716.379)	(73.933.824.380)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(80.489.816.529)</i>	<i>(73.933.824.380)</i>
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>(834.899.850)</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	<u>3.929.815.799.908</u>	<u>3.514.238.029.873</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	66.240.477.246	68.685.391.517
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.642.445.009	7.733.835.440
Chiết khấu thanh toán	5.465.302.299	1.969.312.954
Khác	7.078	-
TỔNG CỘNG	<u>91.348.231.632</u>	<u>78.388.539.911</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Giá vốn hàng bán thành phẩm	2.398.217.615.211	2.098.914.812.067
Giá vốn hàng bán hàng hóa	36.857.553.631	8.975.662.221
TỔNG CỘNG	<u>2.435.075.168.842</u>	<u>2.107.890.474.288</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Chi phí bán hàng	1.255.432.583.207	699.684.922.538
Chi phí tiếp thị	852.393.285.391	430.767.257.939
Chi phí nhân viên	256.499.586.372	160.741.913.776
Chi phí vận chuyển	114.716.380.634	94.495.155.914
Chi phí khác	31.823.330.810	13.680.594.909
Chi phí quản lý doanh nghiệp	158.413.245.618	100.298.904.755
Chi phí nhân viên	104.247.429.670	75.223.503.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.052.713.658	8.747.363.723
Khấu hao và hao mòn	1.827.080.313	1.922.019.201
Chi phí khác	32.286.021.977	14.406.017.850
TỔNG CỘNG	<u>1.413.845.828.825</u>	<u>799.983.827.293</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Chi phí lãi vay	53.410.318.491	15.886.735.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.610.644.283	14.046.509.951
Khác	760.058.056	514.408.081
TỔNG CỘNG	<u>72.781.020.830</u>	<u>30.447.653.082</u>

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Thu nhập khác	6.764.256.685	2.250.158.670
Thanh lý tài sản và phế liệu	2.693.856.237	2.065.275.340
Phạt vi phạm hợp đồng	3.962.735.700	99.161.621
Khác	107.664.748	85.721.709
Chi phí khác	(1.108.745.123)	(2.413.588.985)
Phạt vi phạm hành chính	(1.022.656.673)	(2.402.235.250)
Khác	(86.088.450)	(11.353.735)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>5.655.511.562</u>	<u>(163.430.315)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.408.761.287.664	1.837.428.976.862
Chi phí tiếp thị	852.393.285.391	430.767.257.939
Chi phí nhân viên	419.946.319.691	278.143.019.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.749.997.952	125.381.289.413
Khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	118.707.926.248	94.199.249.142
Chi phí vận chuyển	114.716.380.634	94.495.155.914
Chi phí khác	14.297.771.700	7.434.141.655
TỔNG CỘNG	<u>4.148.572.969.280</u>	<u>2.867.849.090.086</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Thuế TNDN hiện hành kỳ này	61.110.497.839	141.346.001.823
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	6.738.869.232
	<u>61.110.497.839</u>	<u>148.084.871.055</u>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(36.938.095.201)	(5.222.334.296)
TỔNG CỘNG	<u>24.172.402.638</u>	<u>142.862.536.759</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.117.524.605	654.141.184.806
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng 20%	21.023.504.921	130.828.236.961
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	3.148.897.717	2.378.815.531
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	6.738.869.232
Điều chỉnh lỗ từ chi nhánh độc lập	-	2.070.130.836
Khác	-	846.484.199
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.172.402.638	142.862.536.759

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang kỳ sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang kỳ sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

		VND			
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau
			năm sau tính đến ngày 30/6/2025	đến ngày 30/6/2025	tại ngày 30/6/2025
2022	2027	191.738.211	-	-	191.738.211
2023	2028	4.542.027.339	-	-	4.542.027.339
2024	2029	12.223.330.669	-	-	12.223.330.669
2025	2030	14.624.379.713	-	-	14.624.379.713
TỔNG CỘNG		(i) 31.581.475.932	-	-	31.581.475.932

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

26.4 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	Chi phí trích trước	58.610.207.476	27.750.039.250	30.860.168.226
Lỗ tính thuế	4.773.509.449	5.013.324.580	(239.815.131)	-
Lỗ tỷ giá	-	-	-	(379.792.613)
Chi phí lãi vay (Thuyết minh số 26.3)	6.316.295.186	3.391.419.244	2.924.875.942	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.192.136.417	498.931.417	3.693.205.000	320.249.110
Khác	503.328.586	803.667.421	(300.338.836)	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	74.395.477.114	37.457.381.912		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			36.938.095.201	5.222.334.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Blue Point	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt	Cổ đông lớn
Daytona Investment PTE Limited	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam	Công ty con
PT Produk Susu Internasional	Công ty con
Ông Tô Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT")
Ông Đoàn Hữu Nguyên	Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 8 năm 2025) Thành viên HĐQT
Ông Bùi Hoàng Sang	Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 8 năm 2025)
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên HĐQT (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên HĐQT
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thu Trang	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Ngọc Triều Dương	Trưởng ban kiểm soát
Bà Tôn Minh Phương	Thành viên ban kiểm soát
Bà Mai Thị Thanh Trang	Thành viên ban kiểm soát
Bà Chu Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thắng	Kế toán trưởng

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
PT Produk Susu Internasional	Góp vốn	31.547.880.000	-
Lof Ha Nam International Dairy Company Limited	Lãi vay	5.338.706.849	-
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	1.250.000.000
Bà Chu Hải Yến	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	150.000.000
Ông Phan Văn Thắng	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	170.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
<i>Vay ngắn hạn (*)</i>			
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam	Vay ngắn hạn	<u>268.000.000.000</u>	<u>268.000.000.000</u>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam	Chi phí lãi vay	<u>7.857.172.602</u>	<u>2.518.465.754</u>

(*) Số dư này thể hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ Công ty TNHH Sữa Quốc tế Lof Hà Nam với kỳ hạn còn lại là không quá 12 tháng, đáo hạn vào ngày 16 tháng 11 năm 2025 và chịu mức lãi suất là 4,1%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Ông Bùi Hoàng Sang	13.663.131.000	10.180.746.324
Bà Đặng Phạm Minh Loan	-	2.204.959.833
Bà Chu Hải Yến	1.803.121.000	1.757.060.000
Ông Phạm Trọng Bảo Châu	-	322.311.000
TỔNG CỘNG	<u>15.466.252.000</u>	<u>14.465.077.157</u>

Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>1.679.966.430</u>	<u>1.679.966.430</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	25.190.894.700	12.798.302.119
Trên 1 – 5 năm	32.851.596.206	11.121.352.388
Trên 5 năm	30.686.893.935	34.435.596.570
TỔNG CỘNG	88.729.384.841	58.355.251.077

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngoại tệ:		
– Đô la Mỹ (USD)	1.076.213	1.676.839
– Indonesian Rupiah (Rp)	50.135.746	50.091.472

30. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 005.2025/NQ-HĐQT.LOF, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án mua lại cổ phiếu của Công ty với tổng số lượng dự kiến là 3.000.000 cổ phiếu, tương đương 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Nguồn vốn thực hiện được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai giao dịch mua lại cổ phiếu nêu trên.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 006.2025/NQ-HĐQT.LOF, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 7.200.000 cổ phần, tương đương 34,29% vốn điều lệ, từ cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Hồ Toản ("Hồ Toản") với tổng giá trị 144.000.000.000 VND. Vào ngày 28 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 012.2025/NQ-HĐQT.LOF, Hội đồng Quản trị thông qua việc mua 7.200.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu 25,53% vốn điều lệ do Hồ Toản chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá trị 115.200.000.000 VND. Hồ Toản là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 50000824408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 14 tháng 3 năm 2012, hoạt động chính trong lĩnh vực chăn nuôi bò sữa. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn tất các giao dịch nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 011.2025/NQ-HĐQT.LOF, Hội đồng Quản trị đã thông qua chủ trương góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Redpine ("Redpine") với vốn điều lệ 258.000.000.000 VND, trong đó Công ty chiếm 99,8% vốn điều lệ của Redpine. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thành lập Redpine.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Phan Văn Thắng
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Đoàn Hữu Nguyễn
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn